TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Hồng Quân**
Ông **Nguyễn Văn Bé**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đặng Văn Thi**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*: Ông **Sơn Nhựt Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 16/01/2020 đối với bị cáo: **Dương Văn N**, sinh ngày 01/01/1984, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn L và bà Thái Thị U; Vợ tên Kim H; Có 01 người con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ đầu cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trần Thị S, sinh năm 1948 (Đã chết);

Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Trần Trọng Đ, sinh năm 1970 (Con ruột của bị hại); Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Kim H, sinh năm 1987;
Chị Dương Thị X, sinh năm 1975;
Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973
Cùng cư trú: Ấp C, xã P , huyện T, tỉnh Trà Vinh.
Tất cả có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:
Anh Trần Văn Y, sinh năm 1973;
Chị Trần Thị Thanh V, sinh năm 1974;
Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Dương Văn L, sinh năm 1943;
Chị Nguyễn Thị Kim Z, sinh năm 1984;
Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
Tất cả có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 06/7/2019, bị cáo Dương Văn N, sinh ngày 01/01/1984 có giấy phép lái xe, tổ chức uống rượu tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo nghỉ nhậu và đi về nhà, bị cáo điều khiển xe mô tô, biển số 84 H1- 211.37 đi từ nhà bị cáo đến Công ty TNHH F thuộc ấp D, xã H, huyện T để rước vợ bị cáo về nhà. Khi đang điều khiển xe mô tô trên Quốc lộ 60 theo hướng từ thị trấn T đi thành phố V, đến đoạn gần cây xăng J thuộc ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì bị cáo nhìn thấy bà Trần Thị S, sinh năm 1948, ngụ ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, ở đoạn đường phía trước cách xe bị cáo đang điều khiển khoảng 20 mét đang đi bộ dẫn xe đạp qua đường từ lề phải sang lề trái theo chiều đi của xe bị cáo. Lúc này bị cáo có bấm còi, giảm tốc độ nhưng không phanh (Thắng) hay dừng xe lại mà tiếp tục điều khiển xe đi tiếp, khi đến gần tới vị trí bà S thì bị cáo điều khiển xe qua phần đường bên trái và đi tiếp để tránh bà S đang dẫn xe đạp qua đường, nhưng tránh không kịp nên xe của bị cáo đã đụng vào phần hong bên trái của bà S và đụng vào xe đạp làm cho bà S và chiếc xe đạp văng ra và ngã về trước một đoạn, bị cáo cũng bị ngã về phía trước một đoạn. Khi tại nạn xảy ra, bà Trần Thị S bị thương nặng được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực T, sau đó được chuyển lên điều trị tại Bệnh viện C- Thành phố M. Bị cáo cũng bị chấn thương vùng sống mũi, bị cáo dựng xe lên, đi vào Bệnh viện để phụ lo cho bà S nhưng khi điều khiển xe đi được một đoạn do bị chấn thương mũi chảy máu nên bị cáo ghé vào nhà người dân ở ven đường xin nước rửa mặt. Khi rửa mặt xong bị cáo thấy trễ giờ đi rước vợ nên bị cáo đi rước vợ về nhà. Sau đó bị cáo về kể lại sự việc cho gia đình, tác động gia đình vào Bệnh viện phụ lo điều trị cho bà S. Do bị thương nặng không chữa trị được nên đến ngày 09/7/2019 Bác sĩ cho gia đình đem về nhà chuẩn bị lo hậu sự. Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 09/7/2019 thì bà Trần Thị S đã tử vong tại nhà thuộc ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, xe đạp và xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường bê tông nhựa, mặt lộ rộng 07 mét thuộc khu vực đường thẳng, tầm nhìn không bị che khuất, có vạch kẻ màu trắng đứt quãng giữa tim đường. Điểm mốc được xác định làm vật chuẩn là trụ điện số 51, lề phải được xác định làm lề chuẩn hướng từ thị trấn T về hướng thành phố V. Tâm khu vực đụng cách vị trí thứ (1) tâm xe mô tô 84 H1- 211.37 là 5,07m, cách vị trí thứ (2) tâm xe đạp là 6,63m, cách vị trí thứ (3) đầu nạn nhân Dương Văn N là 6,20m, cách vị trí thứ (4) đầu nạn nhân Trần Thị S là 8,35m, cách vị trí thứ (5) đầu vết cày xe mô tô 84 H1- 211.37 kích thước (0,40m x 0,001m x 0,001m) là 4,96m, cách vào vạch trắng giữa tim đường là 0,30m, cách vào điểm mốc cố định được xác định làm vật chuẩn là 13,60m.

Tại kết luận giám định pháp y số 169/KLGĐ ngày 14/7/2019 kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến bà Trần Thị S tử vong là do chấn thương sọ não nặng. Theo báo cáo kết luận điều tra, giải quyết tai nạn giao thông của Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện T xác định: Nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông là do bị cáo N điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 84 H1- 211.37 không nhường đường cho người đi bộ qua đường tại những nơi không có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, vi phạm khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Tại khoản 4 Điều 11 của luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: *"Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn"*.

Bị cáo N điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 0,25 miligam/lít khí thở (Kết quả cồn 0.43 miligam/lít khí thở), vi phạm khoản 8 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ năm 2008. Tại khoản 8 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ quy định: *"Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/lít khí thở"*.

Bị hại bà Trần Thị S đi bộ dẫn xe đạp qua đường không quan sát các xe đang đi tới, không đảm bảo an toàn, vi phạm vào khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Tại khoản 3 Điều 32 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định "*Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường"*. Vậy bà Trần Thị S cũng có lỗi trong vụ tai nạn trên, nhưng bà S đã tử vong.

*Vật chứng vụ án:

- 01 (Một) xe mô tô hai bánh, biển kiểm soát 84 H1- 211.37. Nhãn hiệu: Honda, loại Wave RSX, màu sơn: Đen, số máy JA32E1065132, số khung: RLHTA3219EY034567, đặc điểm: Cần gương chiếu hậu bên trái trầy xước, có kích thước (0,02m x 0,005m); Tay cầm bên trái trầy xước kích thước (0,015m x 0,002); Gác chân bàn đạp bên trái trầy xước và cong từ trước ra sau; Mặt nạ trước nứt, bể kích thước (0,02m x 0,002m); Mỏ chắn bùn trước trầy xước; Một giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Dương Văn N; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu Dương Văn N xe mô tô nêu trên và giấy phép lái xe hạng A1.

- 01 (Một) xe đạp 02 bánh, đặc điểm: Chắn bùn trước cong biến dạng từ trái qua phải kích thước (0,07 mét x 0,025 mét); Sườn xe bên trái phía trên trầy xước có kích thước (0,02 mét x 0,035 mét). Chiếc xe đạp là của bị hại, do không triệu tập được đại diện hợp pháp của bị hại nên Cơ quan điều tra chưa thể xử lý được.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận tiền bồi thường khắc phục hậu quả của bị cáo bằng 56.885.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác.

- Đối với tiền chi phí đưa bà S đi điều trị tại Bệnh viện C – thành phố Y, do bà Dương Thị X và ông Nguyễn Văn M (Chị ruột và anh rể của bị cáo) chi trả, tuy nhiên bà X và ông M không yêu cầu bị cáo trả lại.

- Xe mô tô biển số 84 H1- 211.37, tại thời điểm xảy ra tai nạn không tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-HS, ngày 14/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Dương Văn N, về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn N thừa nhận: Nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh nêu về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, đồng thời cáo trạng truy tố bị cáo về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng và bị cáo không có ý kiến trình bày bổ sung gì thêm nội dung so với bản cáo trạng mà bị cáo đã nhận cũng như không có khiếu nại gì về kết luận giám định, các quyết định khác, các hành vi của Cơ quan Công an điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b Điều 260, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Dương Văn N 03 (Ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trần Trọng Đ đã nhận tiền bồi thường khắc phục hậu quả của bị cáo bằng 56.885.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác.

- Đối với tiền chi phí lo cho bà S điều trị tại Bệnh viện C – thành phố Y, do bà Dương Thị X và ông Nguyễn Văn M (Chị ruột và anh rể của bị cáo) chi trả, tuy nhiên bà X và ông M không yêu cầu bị cáo trả lại tiền nên yêu cầu không xem xét.

Về vật chứng: 01 (Một) xe mô tô hai bánh, biển kiểm soát 84 H1- 211.37. Nhãn hiệu: Honda, loại Wave RSX, màu sơn: Đen, số máy JA32E1065132, số khung: RLHTA3219EY034567; 01 giấy phép lái xe hạng A1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu Dương Văn N xong nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị giao trả cho anh Trần Trọng Đ 01 xe đạp 02 bánh của bà Trần Thị S có đặc điểm: Chắn bùn trước cong biến dạng từ trái qua phải kích thước (0,07m x 0,025m); Sườn xe bên trái phía trên trầy xước có kích thước (0,02 mét x 0,035 mét).

Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Dương Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị S là anh Trần Trọng Đ có đơn xin vắng và có ý kiến trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Sau tai nạn xảy ra vào ngày 06/7/2019, hậu quả mẹ ruột anh là bà Trần Thị S chết (Hàng thừa kế thứ nhất của bà S chỉ còn có anh Đ), anh đã nhận số tiền khắc phục hậu quả của bị cáo Dương Văn N bằng 56.885.000 đồng, về trách nhiệm dân sự anh không yêu cầu bị cáo N bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự anh có đơn đề nghị bãi nại cho bị cáo và anh yêu cầu được nhận lại chiếc xe đạp của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị X và anh Nguyễn Văn M có ý kiến trình bày: Chị Dương Thị X là chị ruột của bị cáo N còn anh Nguyễn Văn M là chồng của chị X, sau khi tai nạn xảy ra vào ngày 06/7/2019, bà S được đưa lên điều trị tại Bệnh viện C – Thành phố Y, chi phí đi lại ăn uống do chị X, anh M lo nhưng nay anh M, chị X không yêu cầu Dương Văn N phải trả và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kim H có ý kiến trình bày: Chị Kim H là vợ của bị cáo Dương Văn N, khi xảy ra tai nạn bà Trần Thị S chết thì vợ chồng chị có khắc phục hậu quả cho người đại diện hợp pháp của bị hại là 56.885.000 đồng, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng chị, chị đồng ý bồi thường khắc phục hậu quả cho bị cáo N, chị không có yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình lo cho cha mẹ già và vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp cho bị hại anh Trần Trọng Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M, chị Dương Thị X, chị Kim H; Người làm chứng anh Trần Văn H, ông Dương Văn L, chị Nguyễn Thị Kim Z chị Trần Thị Thanh V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên Tòa án căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

[2] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Tiểu Cần, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn giao thông và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-HS, ngày 14/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần quyết định truy tố bị cáo Dương Văn N về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo đã thể hiện vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/7/2019, tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh bị cáo Dương Văn N có giấy phép lái xe theo quy định, đã uống rượu, bia (Kết quả nồng độ cồn 0.43 miligam/lít khí thở), điều khiển xe mô tô biển số 84 H1- 211.37, do bị cáo không nhường đường, nên xe của bị cáo đã đụng vào bà Trần Thị S đang đi bộ dẫn xe đạp qua đường từ lề phải qua lề trái hướng từ huyện T đi thành phố V. Do đó bị cáo Dương Văn N đã vi phạm vào khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008, dẫn đến gây thiệt hại về tính mạng cho bà Trần Thị S.

Hành vi của bị cáo N đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của người bị hại bà Trần Thị S được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Hiện nay, Chính phủ và các cơ quan, ban ngành huyện Tiểu Cần đã có nhiều giải pháp đảm bảo an toàn giao thông nhằm kéo giảm tai nạn giao thông, nhưng tình hình tai nạn giao thông trên địa bàn huyện còn diễn biến phức tạp mà hầu hết nguyên nhân tai nạn giao thông là do người tham gia giao thông thiếu ý thức chấp hành pháp luật về an toàn giao thông. Để góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về giao thông đường bộ trong tình hình hiện nay, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải. Khi vụ án xảy ra, bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại bằng 56.885.000 đồng; bị cáo có cậu ruột là Liệt sĩ, bị cáo nuôi cha mẹ già đang bị bệnh, người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bãi nại cho bị cáo, tai nạn xảy ra bị hại Trần Thị S cũng là người có lỗi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thì cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Trần Trọng Đ đã nhận được số tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M, chị Dương Thị X không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Công an điều tra đã trả lại cho bị cáo Dương Văn N 01 (Một) xe mô tô hai bánh, biển kiểm soát 84 H1-211.37, Nhãn hiệu: Honda, loại Wave RSX, màu sơn: Đen, số máy JA32E1065132, số khung: RLHTA3219EY034567; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1, nên không đặt ra xem xét.

Giao trả cho anh Trần Trọng Đ 01 xe đạp 02 bánh của bà Trần Thị S có đặc điểm: Chắn bùn trước cong biến dạng từ trái qua phải kích thước (0,07m x 0,025m); Sườn xe bên trái phía trên trầy xước có kích thước (0,02 mét x 0,035 mét).

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về mức hình phạt, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Những đề nghị khác của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn N phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260: Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dương Văn N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại anh Trần Trọng Đ đã nhận được số tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M, chị Dương Thị X không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bà S là anh Trần Trọng Đ 01 (Một) xe đạp 02 bánh của bà Trần Thị S có đặc điểm: Chắn bùn trước cong biến dạng từ

trái qua phải kích thước (0,07m x 0,025m); Sườn xe bên trái phía trên trầy xước có kích thước (0,02 mét x 0,035 mét).

Vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản 15/01/2020 giữa Công an huyện Tiểu Cần và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Dương Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- THADS huyện Tiểu Cần;
- THAHS huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh TV;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- CA huyện Tiểu Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm